

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRÌ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/KDTM - ST

Ngày: 22/06/2023

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRÌ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chương - Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Anh Đức

2. Ông Lương Anh Dũng

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trang - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì - thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì - thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Tô Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 06 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 07/2023/TLST - KDTM ngày 17 tháng 04 năm 2023 về tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2023/QĐXXST - KDTM ngày 09 tháng 05 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2023/QĐST - KDTM ngày 30 tháng 05 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Một thành viên A

Địa chỉ: Tòa nhà P, đường Nguyễn Văn C, phường G, quận L, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Hữu T - giám đốc công ty.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng Q (có mặt).

Bị đơn: Công ty TNHH Sản xuất và thương mại N.

Địa chỉ: thôn V, xã D, huyện T, Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu T1 giám đốc công ty (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/01/2023 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Công ty TNHH Một thành viên A do ông Nguyễn Hồng Q đại diện theo ủy quyền trình bày:***

Ngày 01/06/2019, giữa Công ty TNHH Một thành viên A và Công ty TNHH Sản xuất và thương mại N có ký kết hợp đồng nguyên tắc số 01.19/TCHN - TN. Theo hợp đồng này Công ty A bán cho Công ty N các mặt hàng là nhựa, sợi thủy tinh...Giá cả theo từng thời điểm và theo từng đơn hàng cụ thể; Số lượng theo đơn đặt hàng cụ thể của bên mua (theo hóa đơn mà bên bán xuất cho bên mua). Trường hợp giá cả thị trường tăng hay giảm bên bán sẽ thông báo cho bên mua trước 15 ngày và được sự xác nhận của bên mua bằng văn bản. Hình thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản trong vòng 05 đến 10 ngày kể từ ngày nhận hóa đơn. Thực hiện hợp đồng nêu trên hai bên nhiều lần mua bán hàng hóa trong đó có đơn hàng theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0000193 ngày 28/06/2019 trị giá 82.122.000 đồng. Sau khi nhận hàng đến ngày 06/11/2020, Công ty N mới thanh toán được cho bên bán số tiền 20.000.000 đồng sau đó không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng. Công ty A đã nhiều lần liên hệ với Công ty N để yêu cầu giải quyết công nợ nhưng không có kết quả. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc Công ty TNHH Sản xuất và thương mại N trả nợ cho Công ty Một thành viên A số tiền 83.634.934 đồng, trong đó nợ tiền hàng là 62.122.000 đồng, lãi suất chậm thanh toán 10%/năm là 21.512.934 đồng. Đối với các đơn hàng khác hai bên đã thực hiện xong, không có tranh chấp gì nguyên đơn không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

**** Bị đơn là Công ty TNHH Sản xuất và thương mại nhựa N do ông Nguyễn Hữu T1 đại diện theo pháp luật trình bày:***

Bị đơn thống nhất với ý kiến trình bày của nguyên đơn về quá trình giao dịch mua bán hàng hóa giữa hai bên được thực hiện theo Hợp đồng nguyên tắc số 01.19/TCHN - TN ký giữa Công ty TNHH Một thành viên A và Công ty TNHH Sản xuất và thương mại N ngày 01/06/2019. Bị đơn xác nhận Công ty N còn nợ Công ty A số tiền nợ gốc do mua hàng theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0000193 ngày 28/06/2019 là 62.122.000 đồng. Tuy nhiên, do việc sản xuất kinh doanh của Công ty N gặp nhiều khó khăn nên đề nghị Công ty A cho miễn toàn bộ tiền lãi do chậm thanh toán cho bị đơn. Đối với số nợ gốc, Công ty N sẽ thanh toán trả nợ Công ty A mỗi tháng 10.000.000 đồng vào ngày 15 hàng tháng bắt đầu từ tháng 06/2023 cho đến khi trả hết nợ.

Tại phiên tòa:

- Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu như đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 62.122.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 10%/năm từ ngày bị đơn chậm thanh toán tiền gốc cho đến ngày nguyên đơn làm đơn khởi kiện là 21.512.934 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 83.634.934 đồng.

- Bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc 62.122.000 đồng và số tiền lãi 21.512.934 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 83.634.934 đồng như nguyên đơn yêu cầu là đúng. Tuy nhiên do bị đơn gặp nhiều khó khăn nên đề nghị nguyên đơn miễn toàn bộ tiền lãi và cho bị đơn trả nợ gốc làm 02 kỳ như sau: Chậm nhất đến ngày 02/07/2023, bị đơn trả nguyên đơn 50% nợ gốc = 31.061.000 đồng; Chậm nhất đến ngày 02/08/2023, bị đơn trả nguyên đơn 50% số nợ gốc còn lại = 31.061.000 đồng. Nếu bị đơn không trả nợ gốc đúng thời hạn cam kết thì vẫn phải chịu tiền lãi là 21.512.934 đồng.

Nguyên đơn nhất trí với phương án trả nợ do bị đơn đề nghị như nêu trên. Hai bên đương sự thống nhất: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự về việc: Công ty TNHH Sản xuất và thương mại N xác nhận còn nợ Công ty TNHH Một thành viên A số tiền phát sinh từ mua bán hàng hóa theo Hợp đồng nguyên tắc số 01.19/TCHN - TN ký ngày 01/06/2019 như sau: Nợ gốc: 62.122.000 đồng, nợ lãi phát sinh do chậm thanh toán tiền hàng 21.512.934 đồng. Tổng cộng 83.634.934 đồng. Chậm nhất đến ngày 02/07/2023, bị đơn trả nguyên đơn 50% nợ gốc = 31.061.000 đồng; Chậm nhất đến ngày 02/08/2023, bị đơn trả nguyên đơn 50% số nợ gốc còn lại = 31.061.000 đồng. Nếu bị đơn không trả nợ gốc đúng thời hạn cam kết thì vẫn phải chịu tiền lãi là 21.512.934 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì phát biểu ý kiến :

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là tự nguyện và không trái quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Công ty TNHH Một thành viên A khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì giải quyết tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa với bị đơn là Công ty TNHH Sản xuất và thương mại N có trụ sở tại xã D, huyện T, Hà Nội. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

[2]. Về nội dung: Tại phiên tòa các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận về việc giải quyết toàn bộ vụ án như sau:

- Công ty TNHH Sản xuất và thương mại N xác nhận còn nợ Công ty TNHH Một thành viên A số tiền phát sinh từ mua bán hàng hóa theo Hợp đồng nguyên tắc số 01.19/TCHN - TN ký ngày 01/06/2019: Nợ gốc: 62.122.000 đồng, nợ lãi phát sinh do chậm thanh toán tiền hàng 21.512.934 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 83.634.934 đồng. Chậm nhất đến ngày 02/07/2023, bị đơn trả nguyên đơn 50%

nợ gốc = 31.061.000 đồng; Chậm nhất đến ngày 02/08/2023, bị đơn trả nguyên đơn 50% số nợ gốc còn lại = 31.061.000 đồng. Nếu bị đơn không trả nợ gốc đúng thời hạn cam kết thì vẫn phải chịu tiền lãi là 21.512.934 đồng.

- Về án phí: Mỗi bên đương sự chịu 50% án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 246 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 50, 55, 306 của Luật thương mại năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự như sau:

1.1 Công ty TNHH Sản xuất và thương mại N xác nhận còn nợ Công ty TNHH Một thành viên A số tiền phát sinh từ mua bán hàng hóa theo Hợp đồng nguyên tắc số 01.19/TCHN - TN ký ngày 01/06/2019: Nợ gốc: 62.122.000 đồng, nợ lãi phát sinh do chậm thanh toán tiền hàng 21.512.934 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 83.634.934 đồng. Chậm nhất đến ngày 02/07/2023, bị đơn trả nguyên đơn 50% nợ gốc = 31.061.000 đồng; Chậm nhất đến ngày 02/08/2023, bị đơn trả nguyên đơn 50% số nợ gốc còn lại = 31.061.000 đồng. Nếu bị đơn không trả nợ gốc đúng thời hạn cam kết thì vẫn phải chịu tiền lãi là 21.512.934 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn, nếu bị đơn không chịu trả số tiền nêu trên thì bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 4.180.000 đồng, mỗi bên đương sự chịu 50%. Công ty TNHH Một thành viên A phải nộp 2.090.000 đồng án phí trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.090.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0063505 ngày 17/04/2023, nguyên đơn đã nộp đủ án phí. Công ty TNHH Sản xuất và thương mại N phải nộp 2.090.000 đồng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân TP Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Thanh Trì;
- Chi cục thi hành án dân sự H. Thanh Trì;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Chương

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

